

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 12/02/2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Doãn Huy Giáp

2. Bà Khuất Thị Thanh

- T ký phiên tòa: Bà Tống Thị Nghĩa - T ký viên Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại phòng xét xử Dân sự Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị T; địa chỉ: SN 04, đường N, tổ 09, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Vĩnh K; địa chỉ: Tổ 05, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 18, phân trại số 2, Trại giam Q, xã Tợng Âm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/08/2024; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị T, trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Vĩnh K kết hôn ngày 23/9/2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K Tồng xuyên đi chơi về khuya, chơi bởi cờ bạc không chăm lo cho cuộc sống gia đình, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Đến năm 2022 anh K lại vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh K nên chị xin được ly hôn với anh K.

- Anh K trình bày: Anh K xác nhận thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Hiện nay do anh phải đi chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện chăm lo cho gia đình, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị T có đơn đề nghị ly hôn, anh K đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung:

Chị T trình bày: Chị và anh K có hai con chung là cháu Đặng Song T, sinh ngày 18/12/2014 và cháu Đặng Song Nh, sinh ngày 02/01/2021. Ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T, cháu Nh cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh K xác nhận anh và chị T có hai con chung là cháu Đặng Song T, sinh ngày 18/12/2014 và cháu Đặng Song Nh, sinh ngày 02/01/2021. Ly hôn anh K nhất trí để cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu T và cháu Nh, do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, công nợ chung: Chị T và anh K đều xác nhận không có.

Quá trình giải quyết vụ án: Do anh K đang phải chấp hành án tại trại giam Q và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Do vậy, Tòa án không thực hiện được việc hoà giải và giải quyết vụ án vắng mặt anh K theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn, nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung.

* Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn nuôi con chung.
2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nông Thị T được ly hôn anh Đặng Vĩnh K
3. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Song T, sinh ngày 18/12/2014 và cháu Đặng Song Nh, sinh ngày 02/01/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.
4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có
5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nông Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Đặng Vĩnh K; địa chỉ: Tổ 05, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị Nông Thị T xin được ly hôn với anh Đặng Vĩnh K và tranh chấp về nuôi con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Chị Nông Thị T và anh Đặng Vĩnh K kết hôn ngày 23/9/2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân gia đình quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

[4]. Nội dung vụ án: Chị T xin ly hôn với lý do, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K Tòng xuyên đi chơi về khuya, cờ bạc không chăm lo cho cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Sau đó anh K lại vi phạm

pháp luật và phải đi chấp hành án việc này ảnh hưởng trầm trọng đến cuộc sống vợ chồng, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị T xin được ly hôn với anh K, anh K đồng ý ly hôn và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

[5]. Xét yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp bởi lẽ: Mâu thuẫn của chị T, anh K đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu ly hôn anh K cũng đồng thuận nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc: Xin ly hôn.

[6]. Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung là cháu Đặng Song T, sinh ngày 18/12/2014 và cháu Đặng Song Nh, sinh ngày 02/01/2021. Ly hôn chị T đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu T và cháu Nh cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ biên bản làm việc ngày 20/01/2025 tại cơ quan Quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em, xét đề nghị của chị T là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế do anh K đang phải chấp hành án và không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nhất trí giao con cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp và có căn cứ pháp luật.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[8]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

[9]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Giang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[10]. Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 4, Điều 147 BLTTDS; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị T về việc: Xin ly hôn và nuôi con chung.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị T được ly hôn với anh Đặng Vĩnh K.

3. Về con chung: Giao cho chị Nông Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đặng Song T, sinh ngày 18/12/2014 và cháu Đặng Song Nh, sinh ngày 02/01/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đặng Vĩnh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và cùng có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị Nông Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, biên lai số 0000478 ngày 10 tháng 10 năm 2024.

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
 - VKSND TP. Hà Giang;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS TP. Hà Giang;
 - UBND P. N, TP. Hà Giang,
- Tỉnh Hà Giang;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**Lê Thị Thanh Bình
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Huy Giáp + Khuất Thị Thanh

Lê Thị Thanh Bình

